



## **Công ty Cổ phần Licogi 16**

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Ernst & Young

 **ERNST & YOUNG**

# Công ty Cổ phần Licogi 16

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo về kết quả công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 48

# Công ty Cổ phần Licogi 16

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Giấy phép niêm yết số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; và phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên
Ông Lê Văn Công	Thành viên
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Khai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đông Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Công Hưng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Licogi 16

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Số tham chiếu: 60992762/15624498

## BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 48 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Nhóm Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



*Mai Việt Hùng*  
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

*Mai Việt Hùng*

Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2012



Lê Quang Minh  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0426/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2012

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.074.999.932.574</b>	<b>1.202.512.902.858</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>60.954.485.797</b>	<b>56.947.867.692</b>
111	1. Tiền		42.278.485.797	43.468.935.742
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.676.000.000	13.478.931.950
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>648.312.778.256</b>	<b>672.814.863.479</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	330.814.165.324	403.840.296.822
132	2. Trả trước cho người bán		47.907.448.486	31.111.659.802
135	3. Các khoản phải thu khác	6	286.217.498.546	238.245.697.471
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(16.626.334.100)	(382.790.616)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>312.920.446.885</b>	<b>407.590.176.583</b>
141	1. Hàng tồn kho		313.450.926.905	412.764.663.959
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(530.480.020)	(5.174.487.376)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>52.812.221.636</b>	<b>65.159.995.104</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.492.204.638	1.893.169.458
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.684.072.629	2.027.654.296
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	8	46.635.944.369	61.239.171.350
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.000.317.548.597</b>	<b>998.878.636.161</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>344.934.770.813</b>	<b>355.675.414.403</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	108.395.557.218	153.489.919.287
222	Nguyên giá		435.699.458.677	433.382.802.459
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(327.303.901.459)	(279.892.883.172)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	22.229.730.634	22.229.730.634
228	Nguyên giá		22.249.730.634	22.249.730.634
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.000.000)	(20.000.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	214.309.482.961	179.955.764.482
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>635.206.384.263</b>	<b>625.706.775.229</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	630.489.384.263	621.078.775.229
258	2. Đầu tư dài hạn khác	12.2	8.900.000.000	8.900.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12.2	(4.183.000.000)	(4.272.000.000)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.316.393.521</b>	<b>376.446.529</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		253.461.172	374.446.529
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	4.060.932.349	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		2.000.000	2.000.000
<b>269</b>	<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>14</b>	<b>15.860.000.000</b>	<b>17.120.000.000</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.075.317.481.171</b>	<b>2.201.391.539.019</b>

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2012

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>874.676.746.796</b>	<b>982.825.568.579</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>850.970.770.068</b>	<b>964.836.815.535</b>
311	1. Vay ngắn hạn	15	492.610.718.492	554.683.150.690
312	2. Phải trả người bán	16	85.095.508.027	149.611.494.068
313	3. Người mua trả tiền trước		38.451.412.998	34.268.502.151
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	116.950.329.280	118.111.672.056
315	5. Phải trả người lao động		8.015.369.546	7.612.524.047
316	6. Chi phí phải trả	18	18.499.168.720	23.619.648.343
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	53.110.950.000	33.217.976.670
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	8.077.434.946	8.077.434.946
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.159.878.059	35.634.412.564
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>23.705.976.728</b>	<b>17.988.753.044</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
334	2. Vay dài hạn	21	21.802.896.140	17.270.500.212
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	-	52.801.499
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.450.076.151	215.105.859
338	5. Doanh thu chưa thực hiện		450.004.437	447.345.474
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.143.919.394.178</b>	<b>1.160.363.203.121</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>1.143.919.394.178</b>	<b>1.160.363.203.121</b>
411	1. Vốn cổ phần		562.499.560.000	562.499.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		409.696.951.515	409.696.951.515
414	3. Cổ phiếu quỹ		(23.624.368.356)	(23.624.368.356)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		77.389.804.862	70.816.906.893
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		43.508.297.852	37.500.000.000
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		74.449.148.305	103.474.153.069
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>56.721.340.197</b>	<b>58.202.767.319</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.075.317.481.171</b>	<b>2.201.391.539.019</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$)		1.364	1.364

Hoàng Chí Phúc  
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2012



Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	444.785.666.937	1.050.385.525.431
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(355.509.570.041)	(870.270.852.772)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.276.096.896	180.114.672.659
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	3.607.330.145	15.480.039.681
22	5. Chi phí tài chính	25	(46.479.780.725)	(36.452.586.672)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(46.526.005.575)	(36.452.019.072)
24	6. Chi phí bán hàng		(694.967.120)	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(36.798.290.780)	(14.839.301.404)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.910.388.416	144.302.824.264
31	9. Thu nhập khác	26	6.243.965.612	5.498.876.913
32	10. Chi phí khác	26	(6.195.195.332)	(880.136.110)
40	11. Lợi nhuận khác	26	48.770.280	4.618.740.803
45	12. Phần lãi từ công ty liên kết		7.848.109.034	16.039.375.846
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		16.807.267.730	164.960.940.913
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	(4.954.734.526)	(33.226.381.704)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	4.113.733.848	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.966.267.052	131.734.559.209
	Phân bổ:			
	16.1 Lợi ích của các cổ đông thiểu số		3.720.666.878	2.185.885
	16.2 Lãi thuộc về các cổ đông của Công ty		12.245.600.174	131.732.373.324
70	17. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	22.4	210	2.315

Hoàng Chí Phúc  
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2012



Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>16.807.267.730</b>	<b>164.960.940.913</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	9, 10, 14	50.623.789.360	23.315.983.337
03	Các khoản dự phòng		11.510.536.128	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.291.872.818)	(11.256.238.576)
06	Chi phí lãi vay	25	46.526.005.575	36.452.019.072
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>113.175.725.975</b>	<b>213.472.704.746</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		20.205.350.387	(104.543.222.215)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		99.313.737.054	(32.449.610.677)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(74.638.889.747)	42.079.633.867
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		521.950.177	(114.111.616)
13	Tiền lãi vay đã trả		(47.456.740.692)	(36.813.292.833)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	(2.591.368.171)	(26.351.285.655)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.039.134.622)	(4.738.532.681)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>102.490.630.361</b>	<b>50.542.282.936</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(43.156.227.338)	(9.491.673.210)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	26	5.378.181.818	797.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(10.000.000.000)	(39.222.164.741)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.036.163.534	890.796.361
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(35.741.881.986)</b>	<b>(47.026.041.590)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(2.605.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		494.072.648.713	383.520.691.597
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(551.612.684.983)	(268.750.311.290)
36	Cổ tức đã trả	22.2	-	(74.957.890.300)
37	Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số		(5.202.094.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(62.742.130.270)</b>	<b>39.809.885.007</b>


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		4.006.618.105	43.326.126.353
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		56.947.867.692	24.039.260.379
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	50.954.485.797	67.365.386.732

  
Hoàng Chí Phúc  
Kế toán trưởng



  
Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo giấy phép niêm yết số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; và phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 507 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 464).

### *Cơ cấu tổ chức*

Công ty có 4 công ty con sau:

Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điền Phước ("Điền Phước") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102022453 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Điền Phước có trụ sở đăng ký tại số 420/9, Đường Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Điền Phước là đầu tư xây dựng khu dân cư.

Công ty TNHH Siêu Thành ("Siêu Thành") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304906170 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 5 năm 2008 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Siêu Thành có trụ sở đăng ký tại số 24A Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Siêu Thành là kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Licogi 166 ("Licogi 166"), trong đó Công ty nắm giữ 56,65% vốn chủ sở hữu, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017362 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Licogi 166 có trụ sở đăng ký tại Tầng 4, Tòa nhà 34, Ngõ 164, Đường Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của Licogi 166 là thi công xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng.

Công ty Cổ phần Licogi 16.9 ("Licogi 16.9"), trong đó Công ty nắm giữ 56,8% vốn chủ sở hữu, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000956 do Sở KH&ĐT Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 2 tháng 10 năm 2008 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Licogi 16.9 có trụ sở đăng ký tại Xã Hải Thượng, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam. Hoạt động chính của Licogi 16.9 là thi công xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2012, Licogi 16.9 và Licogi 166 ký kết Hợp đồng sáp nhập số 01/2012/HĐSN. Theo đó, Licogi 16.9 sẽ được sáp nhập vào Licogi 166 thông qua việc hoán đổi cổ phiếu theo tỷ lệ 1: 0,64. Việc sáp nhập này vẫn chưa hoàn tất vào ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng VNĐ, cũng chính là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

##### *Bất động sản tồn kho*

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng và phát triển dự án; và
- Chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí hoa hồng không hoàn lại trả cho các đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và chiết khấu cho giá trị thời gian của tiền tệ (nếu trọng yếu), trừ chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

##### *Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                      |   |  |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu                      | - | chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước   |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan |
| Hàng hóa bất động sản                | - | chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh   |

##### *Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, và hàng hóa bất động sản thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 11 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào phần vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, thì Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần sở hữu của mình trong phần thay đổi trên (nếu có) và trình bày ở khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

#### 3.9 *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá mua và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được ghi nhận như khoản nợ phải trả.

#### 3.15 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### 3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các kỳ kế toán trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Xử lý kế toán theo</i>	
	<i>CMKTVN 10</i>	<i>Thông tư 201</i>
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.

Tuy nhiên, ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong trường hợp Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 201 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao đất cho người mua.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản nợ vay.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Tiền mặt	443.961.233	998.803.883
Tiền gửi ngân hàng	41.834.524.564	42.470.131.859
Các khoản tương đương tiền	18.676.000.000	13.478.931.950
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.954.485.797</b>	<b>56.947.867.692</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện là khoản tiền gửi có thời hạn gốc dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng lãi suất 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	17.406.625.020	45.105.527.687
Phải thu các bên thứ ba	313.407.540.304	358.734.769.135
	<b>330.814.165.324</b>	<b>403.840.296.822</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.626.334.100)	(382.790.616)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>314.187.831.224</b>	<b>403.457.506.206</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	233.696.693.785	158.066.900.293
Phải thu bên thứ ba	52.520.804.761	80.178.797.178
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>286.217.498.546</b>	<b>238.245.697.471</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)
Nguyên vật liệu xây dựng	2.156.690.387	10.917.646.158
Công cụ, dụng cụ	3.411.307.746	3.127.692.267
Hàng gửi đi bán	83.248.510	-
Thành phẩm	9.565.054.769	7.339.549.158
Bất động sản dở dang (*)	185.377.800.579	181.517.506.965
Các công trình xây dựng dở dang (**)	107.997.663.437	204.619.085.178
Hàng hóa bất động sản	4.859.161.477	5.243.184.233
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>313.450.926.905</b>	<b>412.764.663.959</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(530.480.020)	(5.174.487.376)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>312.920.446.885</b>	<b>407.590.176.583</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**7. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	82.943.882.649	81.344.775.296
Khu dân cư Bảo Lộc	69.450.170.023	69.260.171.160
Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	32.983.747.907	30.912.560.509
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>185.377.800.579</b>	<b>181.517.506.965</b>

Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha được dùng làm tài sản thế chấp vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 15).

(\*\*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Nhà máy Thủy điện Bản Chát	101.230.559.634	191.036.828.330
Các công trình khác	6.767.103.803	13.582.256.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>107.997.663.437</b>	<b>204.619.085.178</b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Tạm ứng cho nhân viên	45.801.004.029	60.678.316.445
Ký quỹ thực hiện hợp đồng xây dựng	672.686.648	398.601.213
Khác	162.253.692	162.253.692
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.635.944.369</b>	<b>61.239.171.350</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

					VND
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)	46.048.585.744	344.583.162.949	40.596.769.765	2.154.284.001	433.382.802.459
Mua trong kỳ	-	5.759.490.000	1.142.400.000	95.854.727	6.997.744.727
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.804.764.132	-	-	-	1.804.764.132
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.492.411.689)	(1.993.440.952)	-	(6.485.852.641)
Ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>47.853.349.876</u>	<u>345.850.241.260</u>	<u>39.745.728.813</u>	<u>2.250.138.728</u>	<u>435.699.458.677</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	-	227.302.453.556	1.024.284.794	1.118.275.353	229.445.013.703
Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)	(4.016.131.604)	(257.622.401.702)	(16.739.209.554)	(1.515.140.312)	(279.892.883.172)
Khấu hao trong kỳ	(902.937.063)	(45.397.176.388)	(2.894.474.015)	(169.201.894)	(49.363.789.360)
Thanh lý, nhượng bán	-	1.178.928.367	773.842.706	-	1.952.771.073
Ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>(4.919.068.667)</u>	<u>(301.840.649.723)</u>	<u>(18.859.840.863)</u>	<u>(1.684.342.206)</u>	<u>(327.303.901.459)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)	<u>42.032.454.140</u>	<u>86.960.761.247</u>	<u>23.857.560.211</u>	<u>639.143.689</u>	<u>153.489.919.287</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>42.934.281.209</u>	<u>44.009.591.537</u>	<u>20.885.887.950</u>	<u>565.796.522</u>	<u>108.395.557.218</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 15 và 21)	41.174.636.180	32.622.137.485	820.427.066	-	74.617.200.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất vô thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>22.229.730.634</u>	<u>20.000.000</u>	<u>22.249.730.634</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	20.000.000	20.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>-</u>	<u>(20.000.000)</u>	<u>(20.000.000)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>22.229.730.634</u>	<u>-</u>	<u>22.229.730.634</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 15 và 21)</i>	22.229.730.634	-	22.229.730.634

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất của các lô đất tọa lạc tại số 24A và 49B Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh không được khấu trừ do có thời gian sử dụng vô thời hạn.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)</i>
Trường Cao đẳng nghề Licogi	66.914.428.444	52.231.866.118
Tòa nhà huyện Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	31.181.550.265	17.467.475.788
Tòa nhà Nam An	54.621.167.374	54.585.788.898
Dự án Điền Phước	53.607.641.612	52.748.384.751
Phần mềm ERP	7.049.509.000	35.120.000
Khác	935.186.266	2.887.128.927
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>214.309.482.961</u></b>	<b><u>179.955.764.482</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**12.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)	
	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	6.515.337.716	40,00%	6.497.291.842	40,00%
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	8.653.078.080	40,00%	8.627.585.022	40,00%
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	15.409.269.930	49,00%	15.354.970.397	49,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	4.749.664.707	36,36%	4.716.257.244	36,36%
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	12.986.068.827	46,15%	12.849.057.817	46,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nghi Sơn	112.717.199.183	45,00%	111.920.377.782	45,00%
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	304.397.712.430	30,00%	304.616.288.101	30,00%
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	2.815.054.945	40,16%	3.625.288.107	40,16%
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	42.943.811.769	40,00%	42.943.811.769	40,00%
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	119.302.186.676	22,00%	109.927.847.148	22,00%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>630.489.384.263</u></b>		<b><u>621.078.775.229</u></b>	

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Giá gốc của khoản đầu tư vào các công ty liên kết	590.788.701.758	540.747.933.758
Cổ tức đã trả	(16.984.957.760)	(6.757.500.000)
Phần lãi lũy kế trong công ty liên kết	56.685.640.265	41.340.333.779
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>630.489.384.263</u></b>	<b><u>575.330.767.537</u></b>

Công ty Cổ phần Licogi 16.1 ("Licogi 16.1") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304890347 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 3 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Licogi 16.1 có trụ sở đăng ký tại số 35/6 Đường D5, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Licogi 16.1 là thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Licogi 16.2 ("Licogi 16.2") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304906170 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Licogi 16.2 có trụ sở đăng ký tại số 24A Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Licogi 16.2 là đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dự án thủy điện vừa và nhỏ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

## 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Licogi 16.5 ("Licogi 16.5") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600734791 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 4 năm 2005 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Licogi 16.5 có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Đường số 2, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của Licogi 16.5 là thi công xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng.

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8 ("Licogi 16.8"), là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305516286 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 2 năm 2008, và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Licogi 16.8 có trụ sở đăng ký tại số 169 Đường Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Licogi 16.8 là tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng.

Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16 ("Licogi 16.M") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600899257 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Licogi 16.M có trụ sở đăng ký tại số 49B Đường Phan Đăng Lưu, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Licogi 16.M là gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nghi Sơn ("NIDIC") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 262031000007 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn cấp ngày 11 tháng 8 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. NIDIC có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Luyện kim, Xã Hải Thượng, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam. Hoạt động chính của NIDIC là đầu tư, xây dựng và kinh doanh nhà ở, khu công nghiệp.

Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội ("Phú Hội") là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 471023000224 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 6 năm 2009, và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Phú Hội có trụ sở đăng ký tại Lô X1, Đường D3, Khu dân cư Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của Phú Hội là đầu tư và xây dựng khu dân cư để bán và cho thuê.

Công ty Cổ phần Điện Lực Licogi 16 ("E-Licogi16"), là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104030425 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 7 năm 2009, và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. E-Licogi16 có trụ sở đăng ký tại số 24A Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của E-Licogi16 là thi công lắp đặt các hệ thống điện.

Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại 12 ("CTC 12") là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301522507 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 11 năm 1998 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. CTC 12 có trụ sở đăng ký tại số 21/3C Khu phố 4, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CTC 12 là đầu tư xây dựng khu dân cư.

Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông ("Phương Đông") là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 441023000012 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Phương Đông có trụ sở đăng ký tại Trung tâm Thương mại Thị xã Đồng Xoài, Đường Phú Riêng Đỏ, Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam. Hoạt động chính của Phương Đông là sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.2 Đầu tư dài hạn khác**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường ("SCL")	890.000	8.900.000.000	890.000	8.900.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>8.900.000.000</b>		<b>8.900.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.183.000.000)		(4.272.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>		<b>4.717.000.000</b>		<b>4.628.000.000</b>

**13. CHI PHÍ LÃI VAY VỐN HÓA**

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay với số tiền là 1.772.790.657 VND (kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 1.936.974.266 VND). Các chi phí này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển dự án Trường Cao đẳng nghề Licogi.

**14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong kỳ được trình bày như sau:

	VND
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>25.200.000.000</u>
<b>Phân bổ lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	(8.080.000.000)
Phân bổ trong kỳ	<u>(1.260.000.000)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>(9.340.000.000)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>17.120.000.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>15.860.000.000</u>

**15. VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Vay ngân hàng	489.042.169.147	523.159.613.149
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	<u>3.568.549.345</u>	<u>31.523.537.541</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>492.610.718.492</b>	<b>554.683.150.690</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**15. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2012 (VNĐ)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)</b>					
Hợp đồng vay số VNM111781	28.532.810.396	Ngày 23 tháng 12 năm 2012	Tài trợ vốn lưu động	Từ 13,8 đến 18	Khoản phải thu trị giá 3.000.000 Đô la Mỹ
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn</b>					
Hợp đồng vay số 6220-LAV- 2011/HĐTD00975	18.651.504.442	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Tài trợ vốn lưu động	Từ 16 đến 17,5	Tin chấp
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Hợp đồng vay số 51- 10/HĐTDHM/TPB.HC M	42.890.000.000	Từ ngày 24 tháng 10 năm 2012 đến ngày 25 tháng 10 năm 2012	Tài trợ vốn lưu động	18,5	Quyền sử dụng đất và tòa nhà tọa lạc tại số 24A và 49B Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha
Hợp đồng vay số 14- 11.11/HĐTDHM/TPB/ HCM	157.066.405.873	Từ ngày 8 tháng 12 năm 2012 đến ngày 30 tháng 3 năm 2013	Tài trợ vốn lưu động	Từ 13,3 đến 18,5	
<b>Ngân hàng Liên doanh Lào Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Hợp đồng vay số TT01/2011/HMTDBL	30.310.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Tài trợ vốn lưu động	Từ 14 đến 16	Tin chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Hợp đồng vay số 35/2011/HĐTD-DNL	169.665.559.478	Từ ngày 17 tháng 10 năm 2012 đến ngày 15 tháng 2 năm 2013	Tài trợ vốn lưu động	15,2	Trạm trộn bê tông RCC và các khoản phải thu từ công trình xây dựng Nhà máy Thủy điện Bản Chát
<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội</b>					
Hợp đồng vay số 01/2011/HĐ-GD6	38.907.944.301	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2012 đến ngày 29 tháng 3 năm 2013	Tài trợ vốn lưu động	Từ 12 đến 18	Tòa nhà văn phòng và phương tiện vận tải
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa</b>					
Hợp đồng vay số 128/2011/HĐTD- KHDN	3.017.944.657	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2012 đến ngày 14 tháng 2 năm 2013	Tài trợ vốn lưu động	18,5	Máy móc và thiết bị
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>489.042.169.147</b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	47.422.352.295	74.243.592.503
Phải trả các bên thứ ba	37.673.155.732	75.367.901.565
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>85.095.508.027</u></b>	<b><u>149.611.494.068</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	63.946.915.655	61.583.549.300
Thuế giá trị gia tăng	52.090.023.558	54.484.171.355
Thuế thu nhập cá nhân	908.890.067	2.039.451.401
Thuế khác	4.500.000	4.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>116.950.329.280</u></b>	<b><u>118.111.672.056</u></b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)
Chi phí dự án các công trình xây dựng	10.681.930.645	10.368.315.000
Lương	2.276.270.034	2.010.000.000
Chi phí lãi vay	1.723.492.046	2.654.227.163
Khác	3.817.475.995	8.587.106.180
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.499.168.720</u></b>	<b><u>23.619.648.343</u></b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	15.756.140.000	25.719.700.446
Cổ tức phải trả	28.463.930.400	339.121.400
Phải trả khác	8.890.879.600	7.159.154.824
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.110.950.000</u></b>	<b><u>33.217.976.670</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đây là chi phí bảo hành dự phòng cho các công trình xây dựng.

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Vay ngân hàng	25.371.445.485	48.794.037.753
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.371.445.485</b>	<b>48.794.037.753</b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	3.568.549.345	31.523.537.541
Vay và nợ dài hạn	21.802.896.140	17.270.500.212

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND			(%/năm)	
<b>Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Hợp đồng vay số 41/2011/HĐT D-DNL	8.306.679.000	48 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Tài trợ mua trạm trộn bê tông RCC dự án Bản Chát	Từ 18,3 đến 21,5	Trạm trộn bê tông RCC và các khoản phải thu từ công trình xây dựng Nhà máy Thủy điện Bản Chát
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	1.276.000.000				
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Hợp đồng vay số 34-TPB.HCM/TH/10	14.284.391.485	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Tài trợ dự án Trường Cao đẳng nghề Licogi	Từ 15,5 đến 22	Quyền sử dụng đất và tòa nhà tọa lạc tại số 24A và 49B Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản thuộc sở hữu của ông Bùi Dương Hùng bao gồm 1.000.000 cổ phiếu của Công ty
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	1.098.799.345				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			(%/năm)	
<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân</b>					
Hợp đồng vay số 22282000000796	280.000.000	Ngày 4 tháng 6 năm 2013	Tài trợ vốn lưu động	17,5	Máy móc và thiết bị
Hợp đồng vay số 22282000003148	86.000.000	Ngày 30 tháng 3 năm 2013	Tài trợ vốn lưu động	17,5	Máy móc và thiết bị
Hợp đồng vay số 22282000005180	490.000.000	Ngày 4 tháng 5 năm 2014	Tài trợ vốn lưu động	17,5	Máy móc và thiết bị
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	685.500.000				
<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội</b>					
Hợp đồng vay số 21182000072157	80.000.000	Ngày 31 tháng 8 năm 2012	Tài trợ vốn lưu động	17,5	Máy móc và thiết bị
Hợp đồng vay số 21182000072917	1.124.375.000	Ngày 29 tháng 9 năm 2013	Tài trợ vốn lưu động	17,5	Máy móc và thiết bị
Hợp đồng vay số 21182000073169	60.000.000	Ngày 7 tháng 10 năm 2012	Tài trợ vốn lưu động	17,5	Máy móc và thiết bị
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	508.250.000				
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa</b>					
Hợp đồng vay số 43/2012/HĐTĐ-KHDN	660.000.000	36 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên		18	Máy móc và thiết bị
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.371.445.485</b>				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	3.568.549.345				
Vay dài hạn	21.802.896.140				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

							VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010							
(Trình bày lại – Thuyết minh số 32)	375.000.000.000	506.222.037.738	(785.000)	70.816.906.893	37.500.000.000	100.934.759.677	1.090.472.919.308
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	187.499.560.000	(96.525.086.223)	-	-	-	(90.974.473.777)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(23.623.583.356)	-	-	-	(23.623.583.356)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	131.732.373.324	131.732.373.324
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.521.200.000)	(1.521.200.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(74.999.838.000)	(74.999.838.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>562.499.560.000</u>	<u>409.696.951.515</u>	<u>(23.624.368.356)</u>	<u>70.816.906.893</u>	<u>37.500.000.000</u>	<u>65.171.621.224</u>	<u>1.122.060.671.276</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2011							
(Trình bày lại – Thuyết minh số 32)	562.499.560.000	409.696.951.515	(23.624.368.356)	70.816.906.893	37.500.000.000	103.474.153.069	1.160.363.203.121
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	12.245.600.174	12.245.600.174
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.572.897.969	6.008.297.852	(12.581.195.821)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(564.600.117)	(564.600.117)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(28.124.809.000)	(28.124.809.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2012	<u>562.499.560.000</u>	<u>409.696.951.515</u>	<u>(23.624.368.356)</u>	<u>77.389.804.862</u>	<u>43.508.297.852</u>	<u>74.449.148.305</u>	<u>1.143.919.394.178</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	562.499.560.000	375.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	187.499.560.000
Vốn góp cuối kỳ	<u>562.499.560.000</u>	<u>562.499.560.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	28.124.809.000	74.999.838.000
Cổ tức chi trả	-	74.957.890.300

**22.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	56.249.956	56.249.956
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	56.249.956	56.249.956
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(693.360)	(693.360)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.556.596	55.556.596

**22.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	12.245.600.174	131.732.373.324
Trừ: Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(564.600.117)	(1.521.200.000)
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	11.681.000.057	130.211.173.324
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	55.556.596	56.249.618
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>210</b>	<b>2.315</b>

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
		VND
<b>Tổng doanh thu</b>		
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	421.930.987.347	619.830.881.967
<i>Doanh thu bán hàng</i>	18.300.281.032	428.320.594.484
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.856.339.918	2.234.048.980
<i>Doanh thu bất động sản</i>	1.698.058.640	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	-	-
	<b><u>444.785.666.937</u></b>	<b><u>1.050.385.525.431</u></b>

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
		VND
Lãi tiền gửi	3.598.663.534	890.796.361
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4.214.121.225
Bất lợi thương mại	-	10.365.442.215
Khác	8.666.611	9.679.880
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.607.330.145</u></b>	<b><u>15.480.039.681</u></b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
		VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	342.229.157.422	610.882.035.202
Giá vốn hàng bán	9.398.046.781	258.097.688.244
Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.109.909.526	1.291.129.326
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	772.456.312	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>355.509.570.041</u></b>	<b><u>870.270.852.772</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Lãi tiền vay	46.526.005.575	36.452.019.072
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(89.000.000)	-
Khác	42.775.150	567.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>46.479.780.725</u></b>	<b><u>36.452.586.672</u></b>

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.243.965.612</b>	<b>5.498.876.913</b>
Thu thanh lý tài sản cố định	5.378.181.818	797.000.000
Phí bảo lãnh	805.568.657	-
Thu nhập khác	60.215.137	4.701.876.913
<b>Chi phí khác</b>	<b>(6.195.195.332)</b>	<b>(880.136.110)</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(4.533.081.568)	(786.070.576)
Chi phí tài trợ trường Long Tân	(1.011.342.273)	-
Phí bảo lãnh	(590.294.470)	-
Chi phí khác	(60.477.021)	(94.065.534)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>48.770.280</u></b>	<b><u>4.618.740.803</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.954.734.526	33.226.381.704
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(4.113.733.848)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>841.000.678</u></b>	<b><u>33.226.381.704</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của kỳ hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lợi nhuận chịu thuế ước tính:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>16.807.267.730</b>	<b>164.960.940.913</b>
<b>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:</b>		
Chi phí không được khấu trừ	270.475.526	1.005.084.736
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	16.626.334.100	-
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.644.007.356)	-
Thay đổi chi phí phải trả	(2.728.091.310)	-
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	1.244.346.164	-
Chênh lệch chi phí khấu hao	(3.133.631.483)	-
Lợi nhuận tính thuế các kỳ trước	(647.095.853)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	1.260.000.000	1.260.000.000
Hoàn nhập (dự phòng) giảm giá đầu tư vào công ty mẹ	1.871.160.750	(8.000.000.000)
Lợi nhuận chưa thực hiện	282.056.372	84.319.226
Lỗi của các công ty con	2.496.279.117	-
Bất lợi thương mại	-	(10.365.442.215)
Lợi nhuận trong công ty liên kết	(7.848.109.034)	(16.039.375.846)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>21.856.984.723</b>	<b>132.905.526.814</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>5.464.246.181</b>	<b>33.226.381.704</b>
Giảm thuế TNDN theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012	(509.511.655)	-
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành sau khi giảm trừ</b>	<b>4.954.734.526</b>	<b>33.226.381.704</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	61.583.549.300	44.509.666.948
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(2.591.368.171)	(26.351.285.655)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>63.946.915.655</b>	<b>51.384.762.997</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại – Thuyết minh số 32)</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Dự phòng phải thu khó đòi	4.156.583.525	-	4.156.583.525	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	311.086.541	-	311.086.541	-
Chênh lệch chi phí khấu hao	(783.407.871)	-	(783.407.871)	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	17.712.594	(52.801.499)	70.514.093	-
Chi phí phải trả	358.957.560	-	358.957.560	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả)</b>	<b>4.060.932.349</b>	<b>(52.801.499)</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>			<b>4.113.733.848</b>	<b>-</b>

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Nhóm Công ty Chi phí lãi vay	48.711.850.337 1.774.265.765
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Tạm ứng cho dự án Hiệp Thành	26.098.815.238
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Nhóm Công ty Góp vốn	24.317.462.900 10.000.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng Chi phí lãi vay Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Nhóm Công ty	19.500.000.000 781.909.722 438.094.410
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Công ty liên quan	Mua hàng	17.459.730.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:  
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Giá trị</i>	
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Nhóm Công ty	13.247.109.615	
		Phí bảo lãnh	317.852.309	
		Doanh thu cho thuê	229.420.140	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Công ty	8.060.128.515	
		Doanh thu cho thuê	325.419.175	
		Phí bảo lãnh	251.814.399	
Công ty Cổ phần Licogi 13	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	499.451.914	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Phải thu (Phải trả)</i>	
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b>				
Công ty Liên doanh Licogi – Constec	Công ty liên quan	Dịch vụ xây dựng	6.404.343.365	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	4.765.987.464	
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	3.773.553.923	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê	1.059.760.461	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Cho thuê	752.283.505	
Công ty Cổ phần Licogi 13	Công ty liên quan	Dịch vụ xây dựng	208.703.527	
Công ty Cổ phần Licogi 6	Công ty liên quan	Dịch vụ xây dựng	1.405.355	
Công ty Cổ phần Licogi 17	Công ty liên quan	Bán hàng	92.045.814	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Cho thuê	348.541.606	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>17.406.625.020</u></b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Phải thu</i> <i>(Phải trả)</i>
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Tạm ứng	167.766.277.334
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Tạm ứng	29.258.165.492
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Tạm ứng	19.500.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Tạm ứng	16.632.921.110
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Phí bảo lãnh	539.329.849
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>233.696.693.785</u></b>
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(35.701.631.372)
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(7.366.304.614)
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Công ty liên quan	Mua hàng	(4.255.020.479)
Công ty Cổ phần Licogi 13	Công ty liên quan	Dịch vụ xây dựng	(99.394.830)
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(1.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>(47.422.352.295)</u></b>
<b>Phải trả khác</b>			
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty liên kết	Nhận tạm ứng	(15.735.840.000)
Công ty Cổ phần Licogi 15	Công ty liên quan	Nhận tạm ứng	(20.300.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>(15.756.140.000)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là phát triển và kinh doanh bất động sản, bao gồm cao ốc văn phòng và căn hộ cho thuê; cung cấp dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Nhóm Công ty như sau:

	VND				
	Bất động sản	Dịch vụ xây dựng	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Doanh thu</b>					
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	1.698.058.640	776.064.002.564	345.507.305.814	(678.483.700.081)	444.785.666.937
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.698.058.640</b>	<b>776.064.002.564</b>	<b>345.507.305.814</b>	<b>(678.483.700.081)</b>	<b>444.785.666.937</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	925.602.328	19.302.957.354	69.329.593.586	(282.056.372)	89.276.096.896
<i>Chi phí không phân bổ</i>	-	-	-	-	(37.493.257.900)
<i>Thu nhập hoạt động tài chính</i>	-	-	-	-	3.607.330.145
<i>Chi phí tài chính</i>	-	-	-	-	(46.479.780.725)
<i>Lợi nhuận khác</i>	-	-	-	-	48.770.280
<i>Phần lãi từ công ty liên kết</i>	-	-	-	-	7.848.109.034
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	-	-	-	-	16.807.267.730
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	-	-	-	-	(4.954.734.526)
<i>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</i>	-	-	-	-	4.113.733.848
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>					<b>15.966.267.052</b>
<b>Tài sản và công nợ</b>					
<i>Tài sản bộ phận</i>	338.397.386.558	870.169.913.102	211.054.136.368	(430.952.053.006)	988.669.383.022
<i>Tài sản không phân bổ</i>	-	-	-	-	1.086.648.098.149
<b>Tổng tài sản</b>					<b>2.075.317.481.171</b>
<i>Công nợ bộ phận</i>	226.080.860.873	341.959.053.645	-	-	568.039.914.518
<i>Công nợ không phân bổ</i>	-	-	-	-	306.636.832.278
<b>Tổng công nợ</b>					<b>874.676.746.796</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ nhu cầu vốn lưu động và mua sắm máy móc thiết bị sử dụng trong hoạt động xây dựng của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro về bất động sản, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến vay và nợ dài hạn với lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường*** (tiếp theo)

***Độ nhạy đối với lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi chủ yếu ảnh hưởng đến chi phí phát triển các dự án bất động sản do Nhóm Công ty vay các khoản vay này để phát triển dự án và được trình bày như sau:

		<i>Ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>		<i>VND</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>			
VND	+300	428.531.745	(332.611.620)
VND	-300	(428.531.745)	332.611.620
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>			
VND	+300	1.487.673.697	(4.214.097.734)
VND	-300	(1.487.673.697)	4.214.097.734

***Rủi ro về bất động sản***

Nhóm Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí của các đề án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Nhóm Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

#### *Khoản phải thu từ chuyển nhượng bất động sản*

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng bằng cách yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi thực hiện chuyển giao quyền sở hữu, do vậy, rủi ro tín dụng khách hàng được giảm thiểu đáng kể.

#### *Phải thu khách hàng*

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Tổng Giám đốc theo chính sách của Nhóm Công ty. Các khoản đầu tư tiền nhân rồi chỉ được giao dịch với các ngân hàng đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi thời điểm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Nhóm Công ty cho rằng mức độ rủi ro của các khoản tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thanh khoản*** (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VND		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>			
Vay và nợ	492.610.718.492	21.802.896.140	514.413.614.632
Phải trả người bán	85.095.508.027	-	85.095.508.027
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	71.610.118.720	3.000.000	71.613.118.720
	<b>649.316.345.239</b>	<b>21.805.896.140</b>	<b>671.122.241.379</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>			
Vay và nợ	554.683.150.690	17.270.500.212	571.953.650.902
Phải trả người bán	149.611.494.068	-	149.611.494.068
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	56.837.625.013	3.000.000	56.840.625.013
	<b>761.132.269.771</b>	<b>17.273.500.212</b>	<b>778.405.769.983</b>

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

***Tài sản đảm bảo***

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần phải thu khách hàng, nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 15 và 21). Ngân hàng có trách nhiệm trả lại nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và quyền sử dụng đất này cho Nhóm Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Nhóm Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

VND

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2011		Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Phải thu khách hàng	313.407.540.304	(16.626.334.100)	358.734.769.135	(382.790.616)	296.781.206.204	358.351.978.519
Phải thu các bên liên quan	251.103.318.805	-	203.172.427.980	-	251.103.318.805	203.172.427.980
Phải thu khác	52.520.804.761	-	80.178.797.178	-	52.520.804.761	80.178.797.178
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.954.485.797	-	56.947.867.692	-	60.954.485.797	56.947.867.692
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>677.986.149.667</b>	<b>(16.626.334.100)</b>	<b>699.033.861.985</b>	<b>(382.790.616)</b>	<b>661.359.815.567</b>	<b>698.651.071.369</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VNĐ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	514.413.614.632	571.953.650.902	514.413.614.632	571.953.650.902
Phải trả các bên liên quan	63.178.492.295	99.963.292.949	63.178.492.295	99.963.292.949
Phải trả người bán	37.673.155.732	75.367.901.565	37.673.155.732	75.367.901.565
Phải trả khác	55.856.978.720	31.120.924.567	55.856.978.720	31.120.924.567
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>671.122.241.379</b>	<b>778.405.769.983</b>	<b>671.122.241.379</b>	<b>778.405.769.983</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

### 32. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA KỲ TRƯỚC

Các số liệu tương ứng đã được trình bày lại nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính của Nhóm Công ty mà Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty phát hiện trong năm như sau:

#### ***Điều chỉnh doanh thu và chi phí tương ứng của dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha***

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã điều chỉnh hồi tố doanh thu và giá vốn tương ứng của dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha theo CMKTVN số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác* do ghi nhận doanh thu và chi phí chưa phù hợp trong các năm trước. Các sai sót đã được điều chỉnh bằng cách ghi giảm khoản phải thu khách hàng 3.526.625.282 VNĐ và tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và hàng tồn kho với số tiền tương ứng là 3.323.920.050 VNĐ và 6.850.545.332 VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, tăng doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền lần lượt là 50.508.694.328 VNĐ và 23.646.534.825 VNĐ và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 với số tiền là 23.538.239.453 VNĐ.

#### ***Điều chỉnh thuế giá trị gia tăng phải trả***

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã điều chỉnh hồi tố thuế giá trị gia tăng phải trả tính thiếu trong các năm trước. Việc tính thiếu này đã được điều chỉnh bằng cách ghi tăng thuế giá trị gia tăng phải trả và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 với cùng số tiền là 3.095.446.594 VNĐ.

#### ***Điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã điều chỉnh hồi tố dự phòng giảm giá hàng tồn kho do việc lập dự phòng thiếu trong các năm trước. Việc tính thiếu này đã được điều chỉnh bằng cách ghi giảm lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 5.174.487.376 VNĐ, tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày này với số tiền tương ứng.

#### ***Điều chỉnh các khoản chi phí phải trả***

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã điều chỉnh hồi tố các khoản chi phí phải trả chưa ghi nhận phù hợp trong các năm trước theo các Chuẩn mực Kế toán có liên quan. Các khoản chi phí chưa ghi nhận này đã được điều chỉnh bằng cách ghi giảm lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 2.153.921.549 VNĐ, tăng phải trả người bán, chi phí phải trả và hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền lần lượt là 1.685.600.000 VNĐ, 1.284.372.458 VNĐ và 816.050.909 VNĐ và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền tương ứng là 2.153.921.549 VNĐ.

#### ***Điều chỉnh khoản thanh lý tài sản cố định hữu hình***

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã điều chỉnh hồi tố xóa sổ các tài sản cố định hữu hình đã được thanh lý trong các năm trước. Việc xóa sổ này đã được điều chỉnh bằng cách ghi giảm lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 2.432.731.942 VNĐ, giảm giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày này với số tiền tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**32. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA KỲ TRƯỚC** (tiếp theo)

***Điều chỉnh trong việc hợp nhất các công ty con***

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã điều chỉnh hồi tố các điều chỉnh hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán có liên quan do việc hợp nhất các công ty con trong các năm trước chưa phù hợp trong các năm trước như việc hợp nhất công ty Licogi 166 và Licogi 16.9 vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, hoàn nhập cổ tức thu được từ công ty con và công ty liên kết, chia cắt niên độ đối với doanh thu và giá vốn tương ứng liên quan đến hoạt động xây dựng. Việc hợp nhất này đã được điều chỉnh bằng cách ghi tăng lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 15.635.205.800 VNĐ, tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 14.314.754.067 VNĐ.

Tóm tắt các khoản điều chỉnh lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối như sau:

VNĐ

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo báo cáo năm trước	114.898.463.859
Điều chỉnh doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	(23.538.239.453)
Điều chỉnh thuế giá trị gia tăng phải trả	(3.095.446.594)
Điều chỉnh hợp nhất	12.669.981.865

**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sau điều chỉnh**

**100.934.759.677**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo báo cáo năm trước	98.692.066.413
Điều chỉnh doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	3.323.920.050
Điều chỉnh thuế giá trị gia tăng phải trả	(3.095.446.594)
Điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.174.487.376)
Điều chỉnh các khoản chi phí phải trả	(2.153.921.549)
Điều chỉnh khoản thanh lý tài sản cố định hữu hình	(2.432.731.942)
Điều chỉnh hợp nhất	14.314.754.067

**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau điều chỉnh**

**103.474.153.069**



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**32. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA KỶ TRƯỚC (tiếp theo)**

Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố này phát sinh từ những vấn đề đã đề cập được tóm tắt như sau:

CHỈ TIÊU	VNĐ		
	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Phải thu khách hàng	386.417.613.635	17.422.683.187	403.840.296.822
Hàng tồn kho	459.034.748.611	(46.270.084.652)	412.764.663.959
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(5.174.487.376)	(5.174.487.376)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	3.116.199.600	(3.116.199.600)	-
Tài sản cố định hữu hình – giá trị thuần	155.922.651.229	(2.432.731.942)	153.489.919.287
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	180.095.417.538	(139.653.056)	179.955.764.482
Đầu tư vào công ty liên kết	613.451.180.878	7.627.594.351	621.078.775.229
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	236.815.451	(236.815.451)	-
Phải trả người bán	131.193.836.286	18.417.657.782	149.611.494.068
Người mua trả tiền trước	32.257.767.269	2.010.734.882	34.268.502.151
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	112.478.025.189	5.633.646.867	118.111.672.056
Chi phí phải trả	77.451.861.254	(53.832.212.911)	23.619.648.343
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	36.727.063.456	(3.509.086.786)	33.217.976.670
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	52.801.499	52.801.499
Thặng dư vốn cổ phần	410.902.696.015	(1.205.744.500)	409.696.951.515
Quỹ đầu tư phát triển	71.610.700.029	(793.793.136)	70.816.906.893
Quỹ dự phòng tài chính	37.984.646.824	(484.646.824)	37.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	98.692.066.413	4.782.086.656	103.474.153.069
Lợi ích của các cổ đông thiểu số	61.593.905.387	(3.391.138.068)	58.202.767.319

Ngoài ra, một vài số liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của kỳ kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Hoàng Chí Phúc  
Kế toán trưởng



Vũ Công Hưng  
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2012